

Hướng dẫn vận hành & lắp đặt

Máy giặt tự động hoàn toàn
(Dùng cho gia đình)

Số model. **NA-FD180W3**



Nội dung

Lưu ý về an toàn	2
Tên các bộ phận / Phụ kiện	6
Trước khi giặt	7
Bảng vận hành	8
Giặt	9
Các chế độ khác nhau	10
Chất giặt / Nước xả vải / Chất tẩy	12
Tự Động Nước Giặt/Xả	14
Các tùy chọn giặt	16
Các chức năng tiện dụng	20
Bảo dưỡng	21
Lắp đặt	26
U13 và các cảnh báo khác	30
Xử lý sự cố	32
Nội dung các chế độ giặt	35
Panasonic SmartApp+	36
Thông số kỹ thuật	44

Cảm ơn quý khách đã mua sản phẩm.

- Xin vui lòng đọc kỹ các hướng dẫn này trước khi sử dụng để đảm bảo sản phẩm hoạt động tối ưu và an toàn nhất.
- Vui lòng cất giữ sách hướng dẫn này để tham khảo về sau.

AWW9901CF6C0-0C0



A0524-0(V)

In tại Việt Nam

05-2024

Lưu ý về an toàn

⚠ CẢNH BÁO

Có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong.

Không để trẻ em tự ý sử dụng sản phẩm.

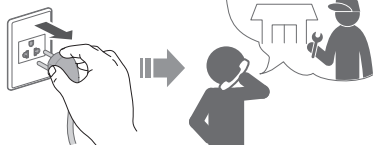


- Người dùng (bao gồm cả trẻ em) bị suy giảm về sức khỏe, giác quan hoặc tinh thần, hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức không được sử dụng sản phẩm, trừ khi họ được giám sát hoặc được hướng dẫn sử dụng bởi người chịu trách nhiệm cho sự an toàn của họ.
- Giám sát trẻ em, đề phòng trẻ đùa nghịch với sản phẩm.

Không chạm vào lồng giặt cho đến khi lồng giặt dừng quay.



- Nếu lồng giặt không dừng quay trong vòng 15 giây:

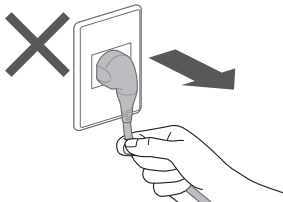


Có thể gây hỏa hoạn hoặc điện giật.

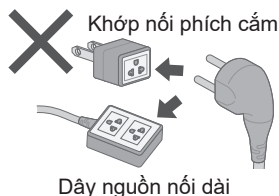
Không chạm khi tay ướt.



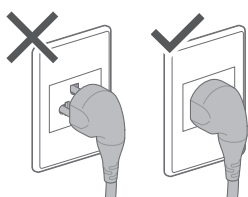
Không cầm hoặc kéo dây nguồn.



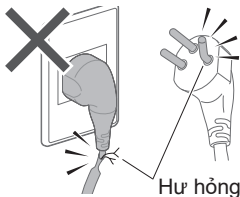
Không sử dụng.



Cắm chặt.

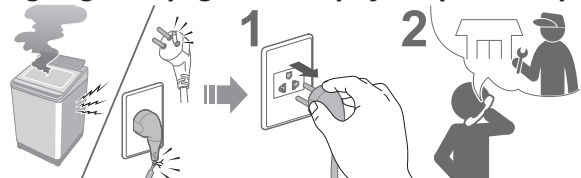


Không sử dụng.

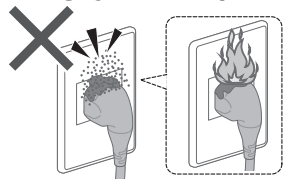


- Để tránh nguy hiểm, dây nguồn hỏng phải do nhà sản xuất, trung tâm dịch vụ hoặc người có chuyên môn thay thế.

Trong trường hợp hỏng hóc hoặc trục trặc, ngừng sử dụng và liên hệ kỹ thuật viên điện.



Bụi bẩn tích tụ có thể gây hỏa hoạn.



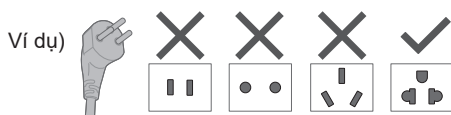
Cắm chân nối đất thật chắc chắn. Yêu cầu kỹ thuật viên điện cung cấp một ổ cắm mới.



Vệ sinh phích cắm định kỳ.

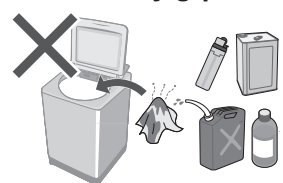


Sử dụng ổ cắm thích hợp cho thiết bị này.



- Hình dáng phích cắm thay đổi theo từng khu vực.

Đề các vật liệu dễ cháy cách xa máy giặt.



Có thể gây hỏng hóc.

Không tự ý tháo dỡ, sửa chữa hoặc chỉnh sửa máy giặt.



Khi sử dụng ứng dụng “Panasonic SmartApp+”

(Sóng vô tuyến từ thiết bị có thể là nguyên nhân gây trục trặc)

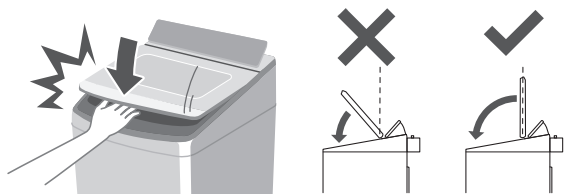
- Giữ cách xa bộ phận gắn của máy trợ tim ít nhất 15 cm.
- Tránh xa thiết bị y tế và thiết bị điều khiển tự động (cửa tự động, thiết bị báo cháy, v.v.).

Lưu ý về an toàn (tiếp)

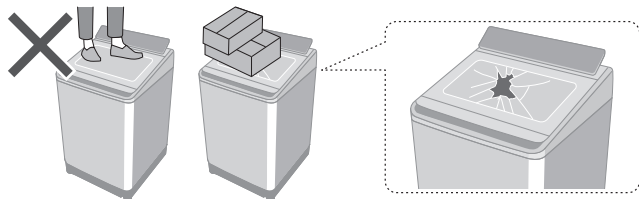
⚠ CẦN THẬN

Có thể gây thương tích.

Cẩn thận, tránh để ngón tay bị kẹp khi mở hoặc đóng nắp đậy.

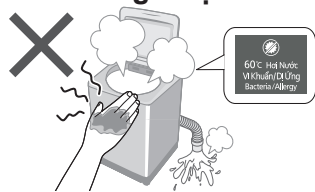


Không treo hoặc đặt các vật nặng lên trên máy giặt.

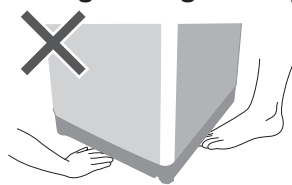


- Nếu nắp bị hỏng, ngừng sử dụng máy giặt ngay lập tức.

Không chạm vào lồng giặt và nước nóng được xả ra.

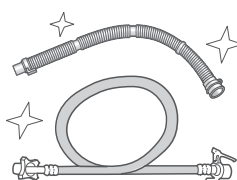
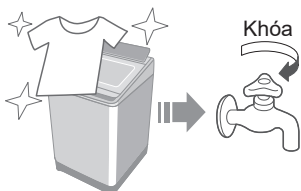


Không luồn tay hoặc chân xuống dưới gầm máy.



Có thể gây rò rỉ nước.

Khóa vòi nước sau khi giặt xong. Sử dụng bộ ống nước mới.

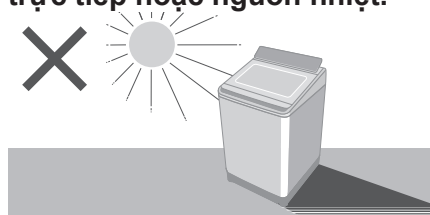


- Phải sử dụng bộ ống nước mới kèm theo sản phẩm, không sử dụng lại bộ ống nước cũ.

■ Để biết khối lượng quần áo khô tối đa và áp suất nước máy, xem Trang 44.

Có thể gây hỏng hóc.

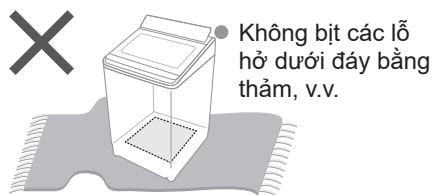
Đặt xa nơi có ánh nắng mặt trời trực tiếp hoặc nguồn nhiệt.



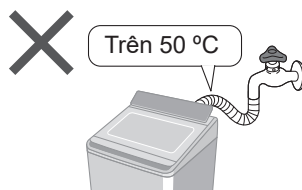
Không giặt các đồ vật có tính chống thấm nước.



Không gây cản trở hoạt động của máy giặt.



Không kết nối với nguồn nước nóng.



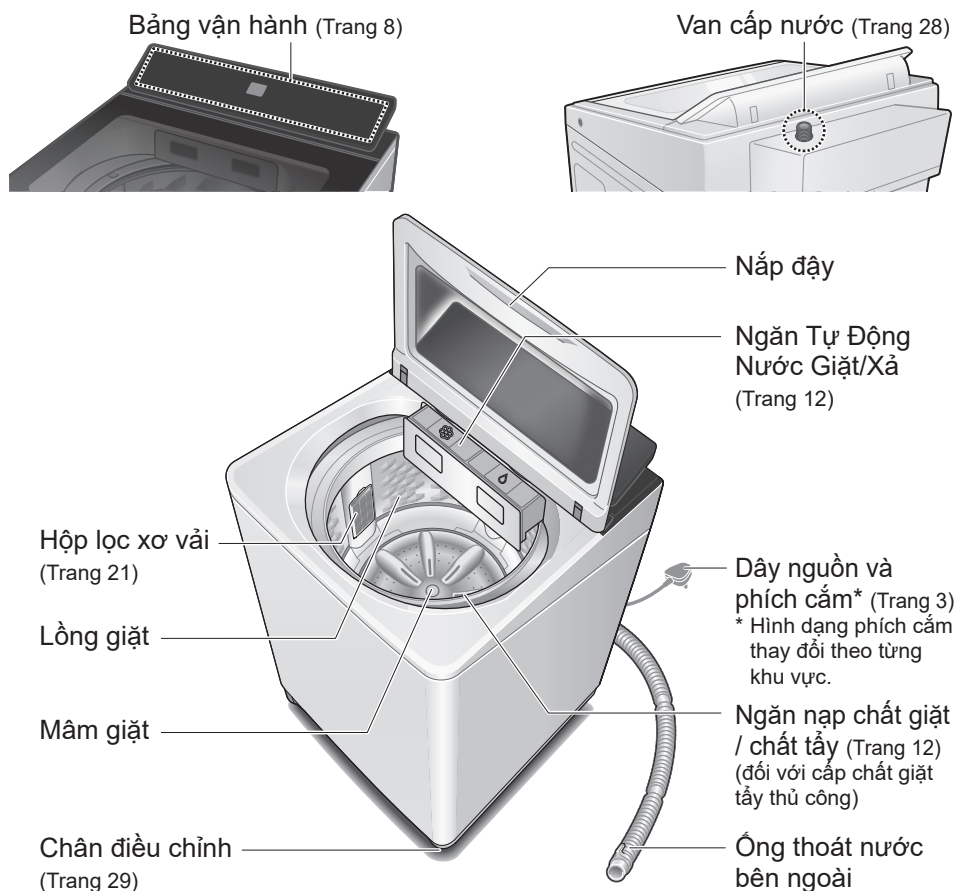
Chỉ sử dụng máy giặt cho các đồ vật có thể giặt máy.



- Thiết bị này được chủ định để sử dụng trong gia đình. Thiết bị này không được chủ định để sử dụng trong các trường hợp như:
 - khu vực bếp nhân viên trong các cửa hàng, văn phòng và môi trường làm việc khác;
 - nhà ở trang trại;
 - bởi khách hàng trong khách sạn, nhà nghỉ và các loại hình cư trú khác;
 - môi trường kiểu phục vụ ăn uống suốt đêm và bữa sáng;
 - khu vực dùng chung trong các khối căn hộ hoặc trong phòng giặt ủi.

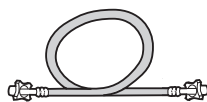
Tên các bộ phận / Phụ kiện

Tên các bộ phận



Phụ kiện

☐ Ống cấp nước (1)
(Trang 28)

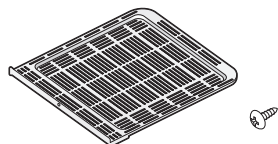


Chiều dài: 1,0 m

☐ Ống thoát nước bên ngoài (1)
(Trang 27)



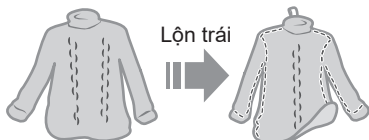
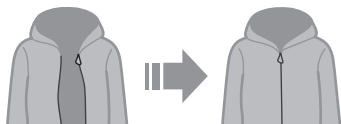
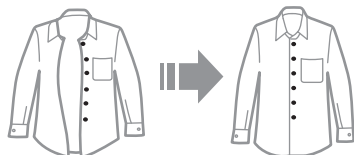
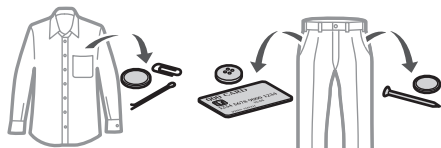
☐ Tấm bọc đáy (1) / Vít (1)
(Trang 27)



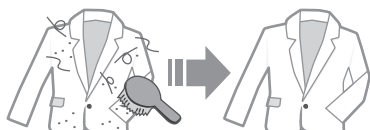
Trước khi giặt

Chuẩn bị đồ giặt và kiểm tra

Kiểm tra trước khi giặt

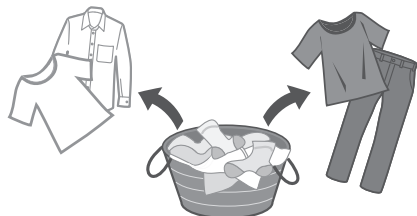


Quần áo dễ bị xước

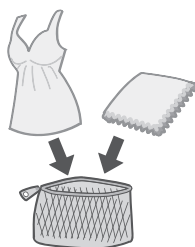


Tã giấy

Giặt riêng



Sử dụng túi giặt cho đồ mỏng



Đối với chế độ “Stain Master +” (Trang 18)

- Tiền xử lý với các vết bẩn cứng đầu



- Tuân theo các nhãn chăm sóc quần áo.



- Đối với



- Quần áo màu



- Trang phục vải cứng



- Quần áo làm từ vật liệu cao su



- Áo in hình



Bảng vận hành

Tự Động Nước Giặt/Xả (Trang 14)



Nước xả vải
Nước giặt



Nước giặt



Nước xả vải



Không khả
dụng

Thay đổi cài đặt quá trình giặt (Trang 16)



Nhấp nháy
(đang trong
quá trình)

Mức nước



88

▼ Khoảng
5 giây

Thời gian còn lại



Time Left
60
min

Xả tràn
(Trang 35)

- ★ Đèn chương trình
"My Favorite" (Trang 36)
- Wi-Fi Đèn kết nối Wifi
(Trang 39)
- 🔒 Đèn Khóa An Toàn
(Trang 20)

Chọn chương trình
(Trang 10)

ECONAVI
(Trang 19)



Tự động
vệ sinh
lồng giặt
(Trang 20)

Khởi Động/Dừng

Stain Master + (Trang 18)

Hẹn Giờ (Trang 16)

Sấy Gió 90' (Trang 19)

Điều Khiển Từ Xa (Trang 39)

Gỡ Rối Tự Động (Trang 10)

Khóa An Toàn (Trang 20)

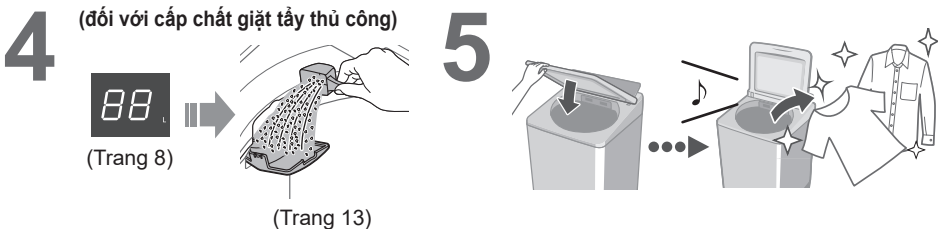
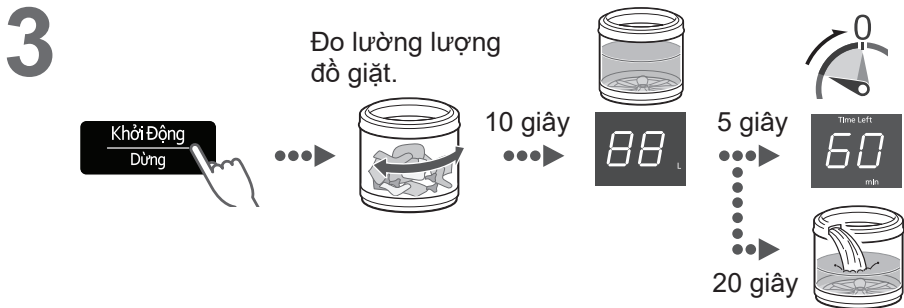
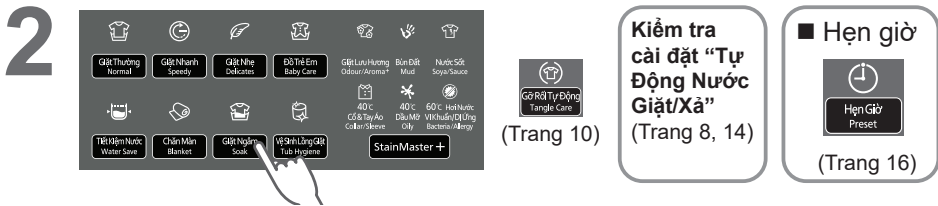
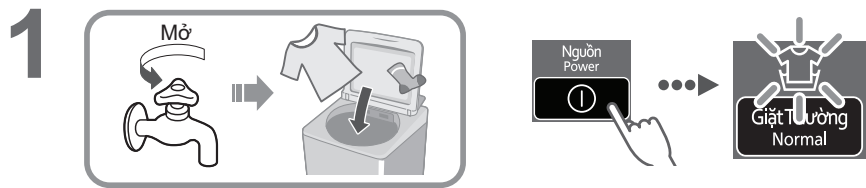
Bộ cấp nhiệt Bật:
Đèn nhấp nháy

Nguồn Bật/Tắt

LƯU Ý

- Với mức nước 105 L màn hình sẽ hiển thị **FS**
- Trong trường hợp mất điện.
⇒ Máy sẽ khôi phục hoạt động từ điểm dừng trước đó khi có điện trở lại.
- Nếu bạn không ấn **Khởi Động/Dừng** trong vòng 10 phút sau khi bật nguồn.
⇒ Tự động ngắt điện.
- Không thể thay đổi cài đặt quá trình giặt của các chế độ "Stain Master +" và "Giặt Ngâm".

Giặt



■ Sau khi ấn “KHỞI ĐỘNG”

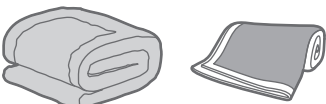
- Để thay đổi từng quá trình (trong khi giặt).



- Để kiểm tra hoặc thay đổi mực nước (trong khi giặt).
- Bạn không thể thay đổi chương trình giặt.



Các chế độ khác nhau

	Chế độ	Mục đích	Khối lượng giặt tối đa (kg)
Giặt	 Giặt Thường (Trang 9)	Quần áo thường ngày 	18,0
	 Gỡ Rối Tự Động (Trang 9)	- Chống xoắn rối - Giặt nhẹ nhàng hơn chế độ “Giặt Thường” để giảm xoắn rối. - Bước gỡ rối sau quá trình vắt chỉ có ở khối lượng giặt 8 kg trở xuống.	
	 Giặt Nhanh (Trang 9)	Với quần áo ít bẩn 	
	 Giặt Ngâm (Trang 9)	Quần áo bẩn nhiều Ngâm trước để giặt 	
	 Đồ Trẻ Em (Trang 9)	Quần áo dành cho trẻ nhỏ & người có làn da nhạy cảm Xả kỹ 	
	 Tiết Kiệm Nước (Trang 9)	Tiết kiệm nước 	
	 Chăn Màn (Trang 17)	Chăn màn  Được gắn nhãn có thể giặt máy	4,2

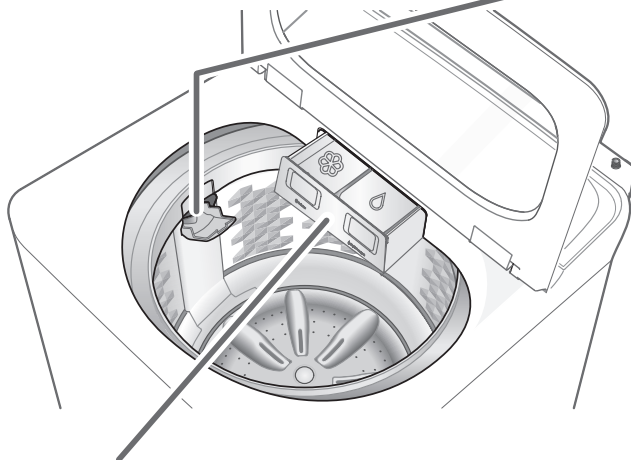
	Chế độ	Mục đích	Khối lượng giặt tối đa (kg)
Giặt	 Giặt Nhẹ (Trang 17)	● Giặt nhẹ nhàng 	5,0
	StainMaster + (Trang 18)	● Với các vết bẩn dưới đây	6,0
	Bẩn ít  Giặt Lưu Hương	● Sử dụng thêm nước xả để giữ mùi hương lâu hơn	
	 Bùn Đất		5,0
	 Nước Sốt		
	 Cổ & Tay Áo (40 °C)		
	 Dầu Mỡ (40 °C) Bẩn nhiều		
	Vi Khuẩn/Dị Ứng (60 °C Hơi Nước)		
Sấy	 Sấy Gió 90' (Trang 19, 25)	● Sấy khô quần áo làm bằng sợi tổng hợp 	3,0
Bảo dưỡng		● Sấy khô lồng giặt 	—
	 Vệ Sinh Lồng Giặt (Trang 25)	● Vệ sinh lồng giặt Loại bỏ mốc đen và mùi khó chịu 	—

LƯU Ý

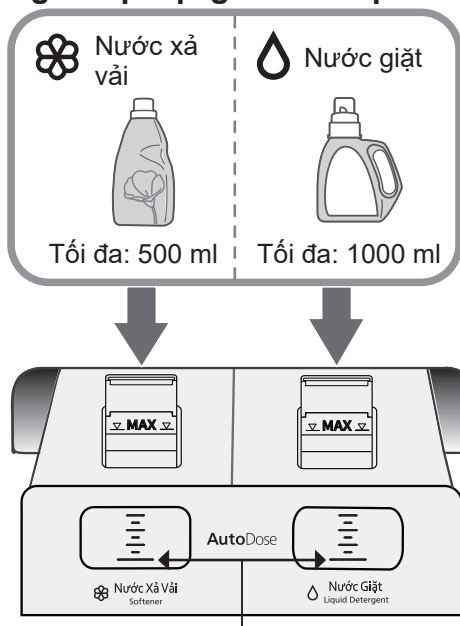
- Chế độ “Giặt Thường” và chế độ “Tiết Kiệm Nước” được khuyến nghị cho đồ giặt bẩn thông thường ở khối lượng giặt định mức của máy.

Chất giặt / Nước xả vải / Chất tẩy

- Làm theo hướng dẫn trên bao bì.
- Để vệ sinh ngăn Tự Động Nước Giặt/Xả (Trang 22)
- Đóng ngăn chứa hoàn toàn trước khi sử dụng.
Đẩy ngăn chứa vào đến khi nghe tiếng “tách”.



Ngăn Tự Động Nước Giặt/Xả



Thêm nước giặt / nước xả vải trước khi nó xuống dưới vạch.

LƯU Ý

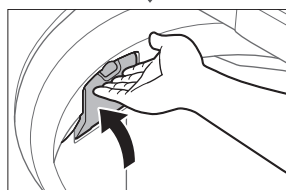
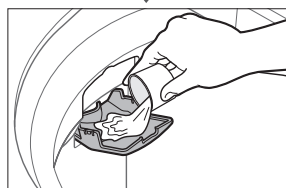
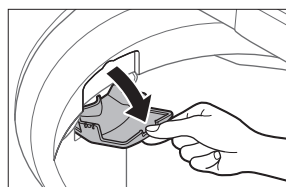
- Nước giặt / nước xả để lâu có thể vón cục hoặc đông đặc. Trong trường hợp đó, hãy vệ sinh ngăn Tự Động Nước Giặt/Xả. (Trang 22)



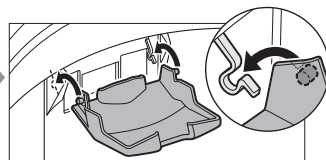
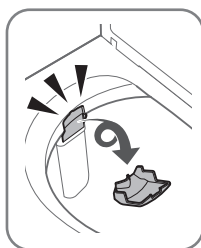
Không sử dụng nước xả vải đã tách lớp hoặc vón cục.

Đối với các chất giặt tẩy thủ công

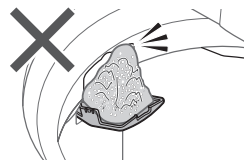
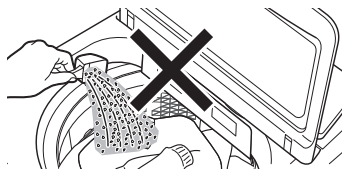
Chất giặt, Chất tẩy



Ví dụ) Chất tẩy dạng lỏng



Chất tẩy trắng
(chất tẩy Clo)



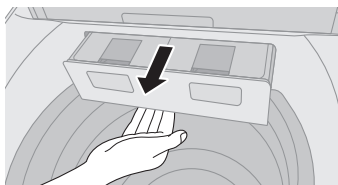
- **Không đổ chất giặt tẩy trực tiếp vào lồng giặt.**
- Mức độ tạo bọt tùy thuộc vào khối lượng đồ giặt, mức độ bẩn, loại chất giặt, và độ cứng của nước.
- Pha loãng chất tẩy với nước trước khi cho vào ngăn nạp chất giặt / chất tẩy.
- Đổ chất giặt theo mực nước, tham khảo hướng dẫn trên bao bì sản phẩm.

Tự Động Nước Giặt/Xả

Nước giặt và nước xả vải sẽ tự động được thêm vào tùy thuộc vào lượng đồ giặt và mức cài đặt, khả dụng với tất cả các chương trình ngoại trừ “Vệ Sinh Lồng Giặt”, “Sấy Gió 90” và “Tiết Kiệm Nước (chỉ nước xả vải)” (Trang 35).

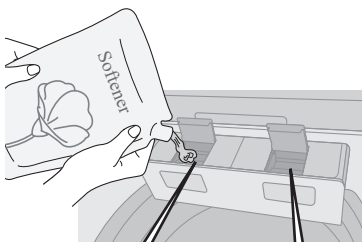
■ Để nạp nước giặt / nước xả vải

1



- Ấn lẫy khóa ở bên dưới ngăn chứa và kéo ra.

2



Nước xả vải
Tối đa: 500 ml

Nước giặt
Tối đa: 1000 ml

3

Đóng hoàn toàn nắp ngăn Tự Động Nước Giặt/Xả.

■ Để cài đặt tính năng “Tự Động Nước Giặt/Xả”

1



2

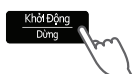


(Trang 8)



(Cài đặt mặc định)

3



(Cài đặt sẽ được lưu lại cho những lần sau.)

■ Lượng tiêu chuẩn

- Nước: 50 L
- Khối lượng giặt: 4,0 ~ 4,8 kg
- Nước giặt: 50 ml
- Nước xả vải: 30 ml

■ Để thay đổi lượng nước giặt/xả

1



2



Giữ 3 giây



50 x2
(ví dụ)



Nước xả



Nước giặt



Nước giặt

3

• Để tăng



• Để giảm



- Phạm vi cài đặt
 - Nước giặt: 10 ml - 95 ml
 - Nước xả vải: 10 ml - 95 ml
- Bước thay đổi: 5 ml

(Cài đặt sẽ được lưu lại cho những lần sau.)

4



LƯU Ý

- Nếu có nước trong lồng giặt từ trước, nước giặt và nước xả sẽ không được cấp tự động trong quá trình giặt.

■ Q&A

	Câu hỏi	Trả lời
Nước giặt / Nước xả vải	Những gì không thể được sử dụng với tính năng “Tự Động Nước Giặt/Xả”?	Những điều sau đây không thể được sử dụng: ● Bột giặt tổng hợp ● Xà phòng lỏng ● Các sản phẩm không có nhãn “Số lượng ước tính để sử dụng” trên hộp đựng ● Chất tẩy trắng ● Bột xà phòng Muối nở không thể được sử dụng cho “Tự Động Nước Giặt/Xả” hay cấp chất giặt tẩy thủ công.
	Khi thay đổi loại nước giặt / nước xả vải	Làm theo các bước dưới đây: ① Đổ hết ngăn Tự Động Nước Giặt/Xả và vệ sinh. (Trang 22) (Trộn các loại khác nhau có thể gây tắc nghẽn) ② Thêm nước giặt / nước xả vải mới. (Trang 14)
	Có thể đổ thêm nước giặt/xả trước khi nó hết không?	Có thể đổ thêm nếu cùng loại nước giặt/xả.
	Lượng nước giặt/xả tiêu chuẩn là bao nhiêu?	● Lượng tiêu chuẩn là lượng nước giặt / nước xả vải được sử dụng trên mỗi 50 L nước. Kiểm tra thông tin trên bao bì sản phẩm. ● Nếu không có thông tin trên hộp đựng hoặc nếu bạn không chắc chắn, hãy liên hệ với nhà sản xuất.
Cách sử dụng “Tự Động Nước Giặt/Xả”	Có thể giặt bao nhiêu lần khi ngăn Tự Động Nước Giặt/Xả đầy?	● Nước giặt và nước xả vải: khoảng 15 lần (lượng nước giặt và nước xả mặc định cho 4,0 ~ 4,8 kg đồ giặt) Số lần sử dụng thay đổi tùy thuộc vào lượng đồ giặt và lượng cài đặt “Tự Động Nước Giặt/Xả”.
	Nếu không thay đổi cài đặt lượng nước giặt /nước xả vải tiêu chuẩn?	● Lượng tiêu chuẩn là: • 50 ml nước giặt trên mỗi 50 L nước • 30 ml nước xả vải trên mỗi 50 L nước ● Nếu cài đặt không phù hợp với loại nước giặt / nước xả vải bạn đang sử dụng, vết bẩn có thể không bong ra hoặc đồ giặt có thể bị sẫm màu.
	Nếu sử dụng tính năng “Tự Động Nước Giặt/Xả” đồng thời vẫn cho chất giặt vào ngăn nạp chất giặt / chất tẩy.	Chất giặt sẽ bị quá nhiều do được cấp vào hai lần trong quá trình giặt.

Các tùy chọn giặt

Hẹn Giờ

Cài đặt bao nhiêu giờ sau để kết thúc hoạt động.



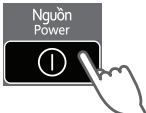
Tắt cả các đèn chỉ báo sẽ tắt ngoại trừ

Giặt Thường Normal	2 - 24
Giặt Nhanh Speedy	1 - 24
Giặt Nhẹ Delicates	-
Đồ Trẻ Em Baby Care	2 - 24
Tiết Kiệm Nước Water Save	2 - 24
Chăn Mền Blanket	-
Giặt Ngâm Soak	3 - 24
StainMaster +	(Trang 18)
Sấy Gió 90' Air Dry (90 min)	-
Vệ Sinh Lồng Giặt Tub Hygiene	-

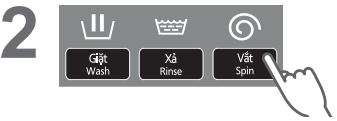
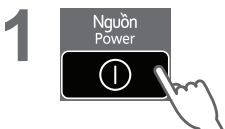
■ Để xác nhận sau khi cài đặt hẹn giờ



■ Để hủy hoặc thay đổi



Giặt / Xả / Vắt



LƯU Ý

- Không khả dụng với chức năng “Gỡ Rối Tự Động”.



Giặt Nhẹ

74 L	5,0 kg
66 L	3,0 kg
59 L	1,0 kg

LƯU Ý



Chất tẩy



Nước giặt có độ tẩy nhẹ

■ Sau khi máy giặt xong

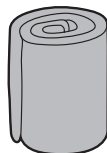


Lấy đồ giặt ra ngay.



Chăn Mền

Mức nước cao nhất	4,2 kg • 100 % sợi tổng hợp • 100 % cotton
-------------------	---



LƯU Ý



Bột giặt



Nước giặt

LƯU Ý

- Chỉ báo lượng nước hiển thị lượng nước tối đa và không thể thay đổi.

Các tùy chọn giặt (tiếp)

Stain Master +

Chuẩn bị: (Trang 7)



1



2



- Hẹn Giờ (theo tiếng) (Trang 16)
- Cổ & Tay Áo: 3 - 24
- Dầu Mỡ: 3 - 24
- Vi Khuẩn/Dị Ứng: 4 - 24
- Khác: 2 - 24

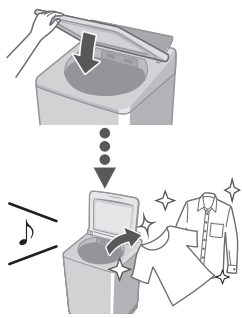
3



4

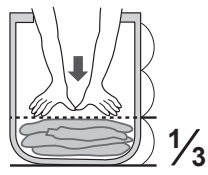


5



LƯU Ý

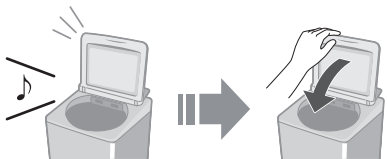
- Khối lượng giặt tối đa (Trang 11)



- Mức nước tối đa
 - Vi Khuẩn/Dị Ứng: 66L
 - Khác: 81L
- Không thể thay đổi cài đặt quá trình giặt của các chương trình này.
- Khi sử dụng

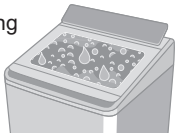
40°C Cổ & Tay Áo Collar/Sleeve	40°C Dầu Mỡ Oil	60°C Hơi Nước Vi Khuẩn/Dị Ứng Bacteria/Allergy
--------------------------------------	-----------------------	--

- Hãy chắc chắn đã đóng nắp máy.



- Sự động sương có thể xảy ra trên nắp máy, v.v.

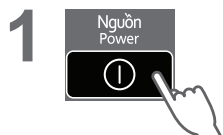
Động sương



Sấy Gió 90'

Luồng không khí tạo ra do xoay lồng giặt sẽ loại bỏ nước khỏi quần áo.

- Quần áo có thể sấy: Sợi tổng hợp (Khối lượng tối đa: 3,0 kg)



LƯU Ý

- Quần áo có thể không được đủ khô (tùy thuộc vào lượng đồ giặt, loại quần áo và nhiệt độ).
- Vì chức năng này không sử dụng bộ tăng nhiệt nên người dùng có thể thấy đồ giặt bị lạnh và không khô hẳn.

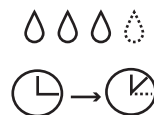
ECONAVI

- Chỉ khả dụng với chương trình “Giặt Thường”

Cân khối lượng / Đo nhiệt độ giặt



Tiết kiệm nước và thời gian*



Chỉ báo bằng đèn



Đang dò tìm

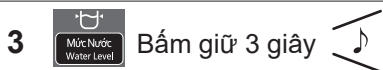


ECONAVI khả dụng



ECONAVI không khả dụng

Đề Bật / Tắt



* Điều kiện thử nghiệm:

- Chương trình “Giặt Thường”
- So sánh giữa vận hành có ECONAVI (lượng đồ giặt: 2,0 kg, nhiệt độ nước: trên 35 °C) với vận hành không có ECONAVI (lượng đồ giặt: 18,0 kg (khối lượng định mức), nhiệt độ nước: dưới 15 °C)
- Thử nghiệm được tiến hành dựa trên tiêu chuẩn IEC60456 ngoại trừ nhiệt độ nước.

Các chức năng tiện dụng

Tự Động Vệ Sinh Lồng Giặt

Để tránh mốc đen, khả dụng với tất cả các chương trình giặt ngoại trừ “Tiết Kiệm Nước” và “Sấy Gió 90”.

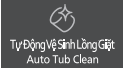
■ Chỉ báo bằng đèn



Đang hoạt động



Chức năng khả dụng



Chức năng không khả dụng

■ Để Bật / Tắt

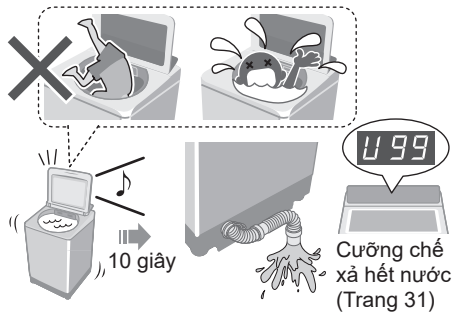
- 1
- 2
- 3 Bấm giữ 3 giây
- 4 để chọn ↔
- 5 →

Tắt còi báo giặt xong

- 1 & **Giữ 3 giây**

■ Để cài đặt lại: **hãy làm tương tự**

Cài đặt chức năng Khóa An Toàn dành cho trẻ nhỏ



* Chức năng này không khóa nắp và các nút bấm vận hành.

- 1
- 2 **Giữ 5 giây**
- Giữ 5 giây**
- Để hủy: hãy làm tương tự



Bảo dưỡng

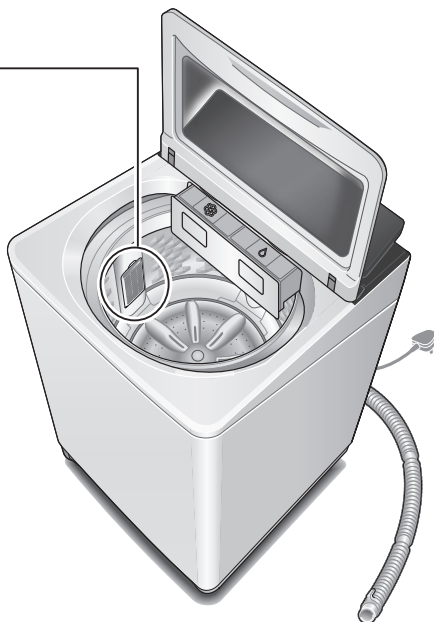
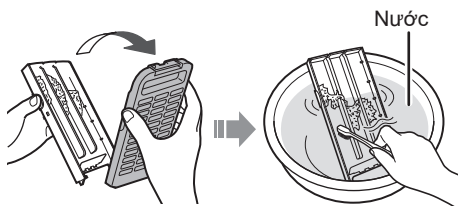
Hộp lọc xơ vải

Sau mỗi lần hoạt động

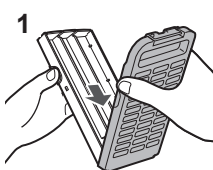
1



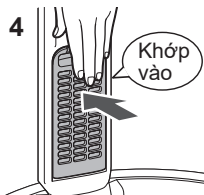
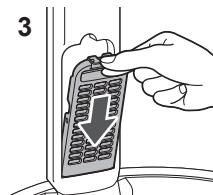
2



3



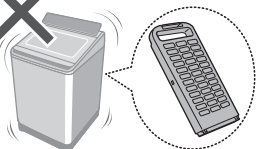
3



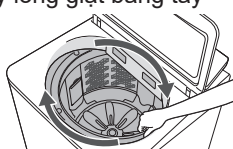
LƯU Ý



Không gắn hộp lọc



Nếu khó tháo hộp lọc, hãy xoay lồng giặt bằng tay



Nếu hộp lọc bị vỡ

Trung tâm dịch vụ



Bảo dưỡng (tiếp)

Ngăn Tự Động Nước Giặt/Xả

3 tháng một lần

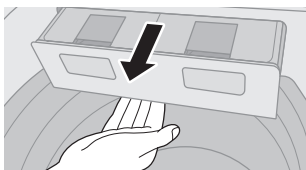
Khi thay đổi loại nước giặt hoặc nước xả vải

Khi không sử dụng trong hơn 1 tháng

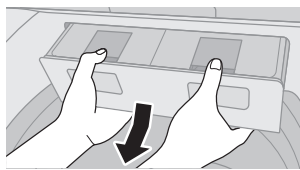
1

Tháo ngăn ra.

Ấn lấy khóa ở bên dưới ngăn chứa và kéo ra.

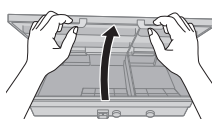


Kéo ra theo đường chéo xuống dưới.

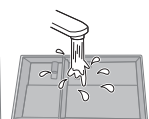
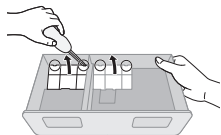


2

Mở nắp ngăn chứa, tháo các tấm lọc bằng cách sử dụng tua vít đẩy vào lần lượt 2 lỗ trên từng tấm lọc để tháo lấy rồi kéo tấm lọc ra, sau đó rửa sạch bằng nước.

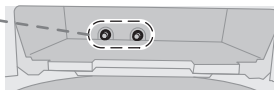


Mặt sau



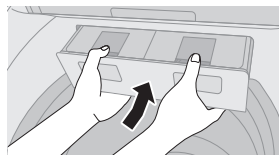
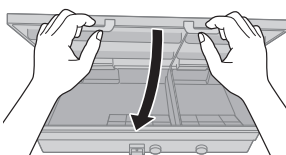
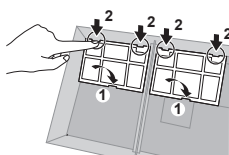
LƯU Ý

- Không sử dụng lại nước giặt và nước xả vải còn sót lại.
- Không lau phần đầu bơm. (có thể gây tắc nghẽn)



3

Gắn tấm lọc, đóng nắp và gắn ngăn chứa.

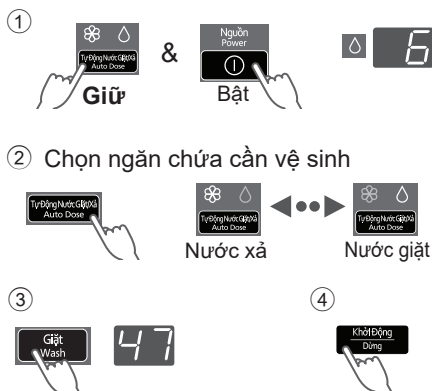


4

- Đổ nước vào khoảng nửa ngăn chứa sau đó đẩy ngăn vào hoàn toàn.
- Đóng nắp máy giặt và chạy tính năng “Vệ sinh ngăn Tự Động Nước Giặt/Xả” để làm sạch ngăn chứa nước giặt và nước xả vải (vệ sinh mỗi ngăn trong 6 phút).



- Nếu đầu bơm bị tắc, hãy chạy tính năng “Vệ sinh ngăn Tự Động Nước Giặt/Xả chuyên sâu” (vệ sinh mỗi ngăn trong 47 phút).



5

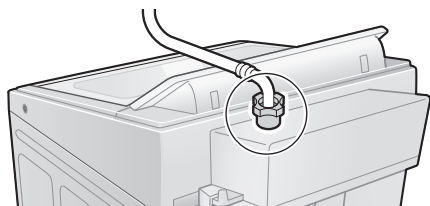
- Tháo ngăn chứa ra, đổ bỏ lượng nước còn lại và lau sạch, sau đó lắp ngăn chứa vào hoàn toàn.



Bảo dưỡng (tiếp)

Lưới lọc cấp nước

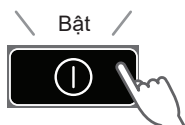
Nếu nước không chảy đều



1



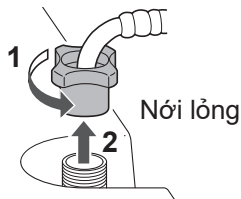
2



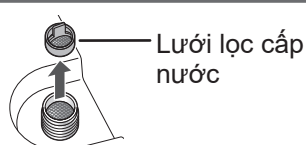
3



4



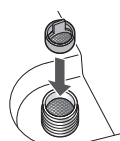
5



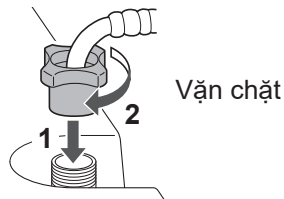
6



7



8

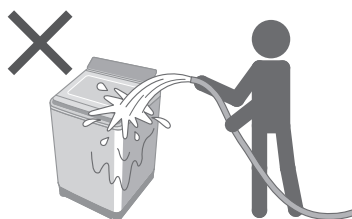


Thân máy, nắp



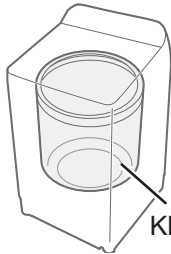
Với vết bẩn nhiều

Chất tẩy rửa nhà
bếp trung tính



Lồng giặt

Mỗi tuần một lần <Sấy Gió 90'>



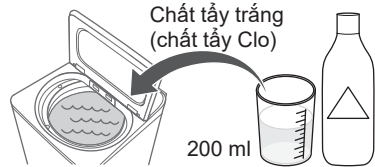
(Trang 19)

Mỗi tháng một lần <Vệ Sinh Lồng Giặt>

1



5

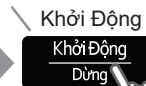
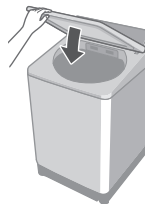


2



Không tải

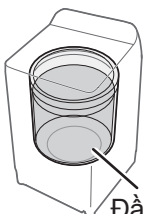
6



3



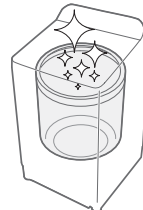
4



Đầy nước

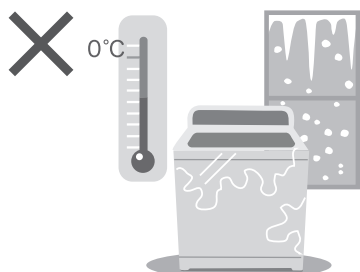
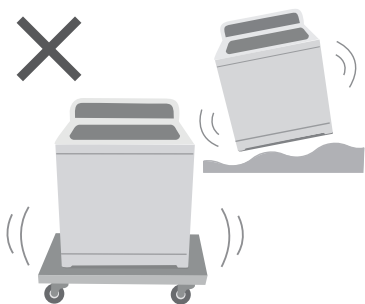
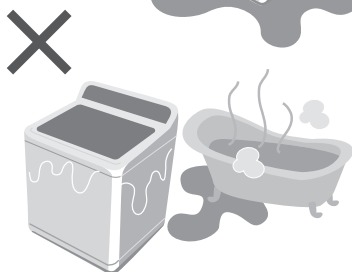
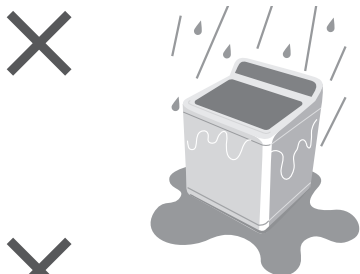


Sau khoảng 2,5 giờ



Lắp đặt

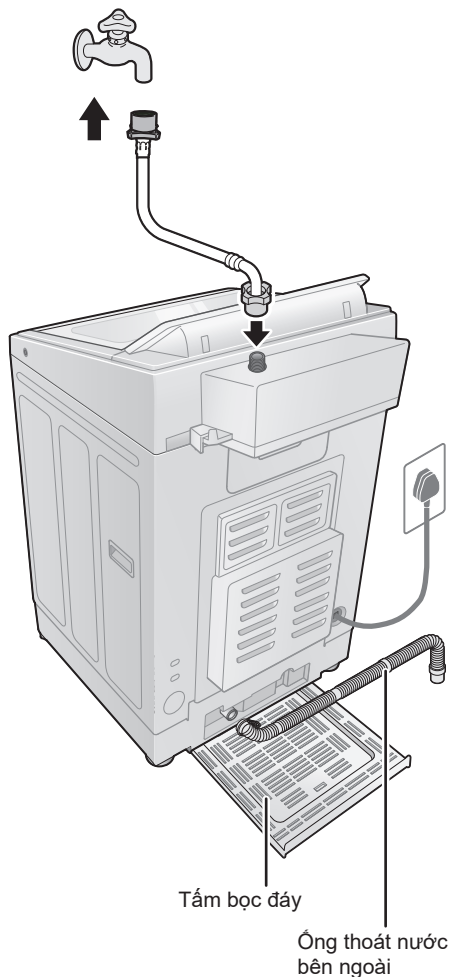
Kiểm tra vị trí.



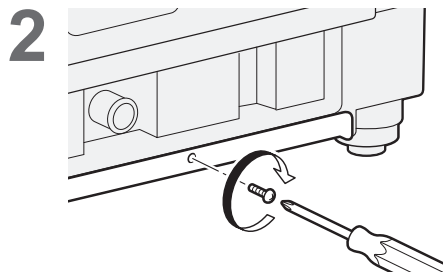
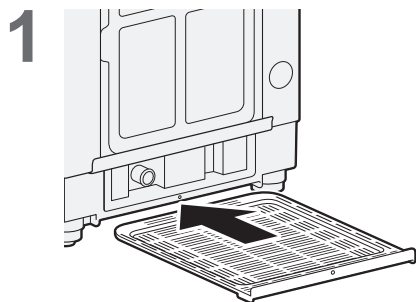
**Đảm bảo yêu cầu nhân viên
bảo trì cho việc lắp đặt.**



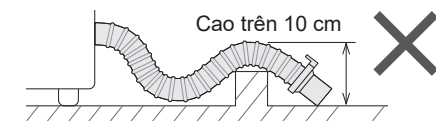
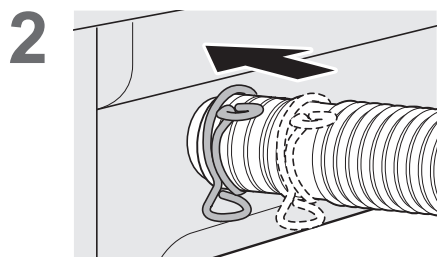
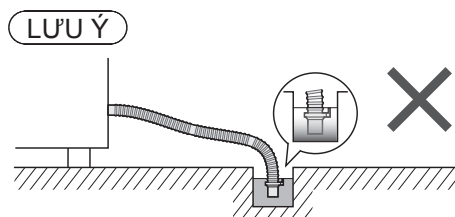
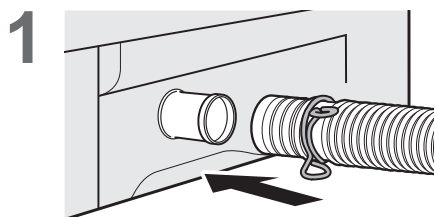
- Không tự mình lắp đặt thiết bị này.
- Làm theo phương pháp lắp đặt này.
Nếu không, Panasonic sẽ không
chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tai
nạn hoặc thiệt hại nào.



Lắp tấm bọc đáy

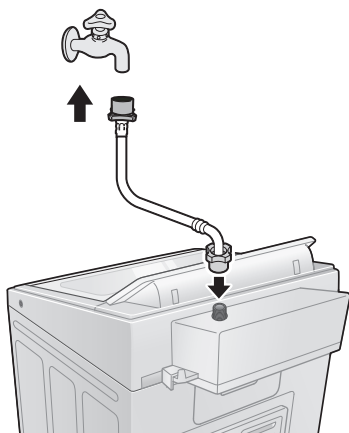


Gắn ống thoát nước bên ngoài



Lắp đặt (tiếp)

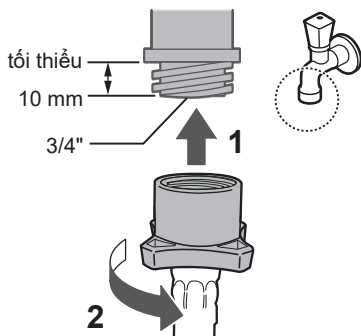
Nồi ống cấp nước



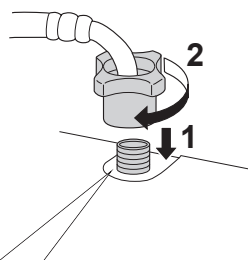
CẢN THẬN

- Vận chặt đai ốc.
- Không được uốn cong, ép, sửa đổi hoặc cắt ống.

1



2

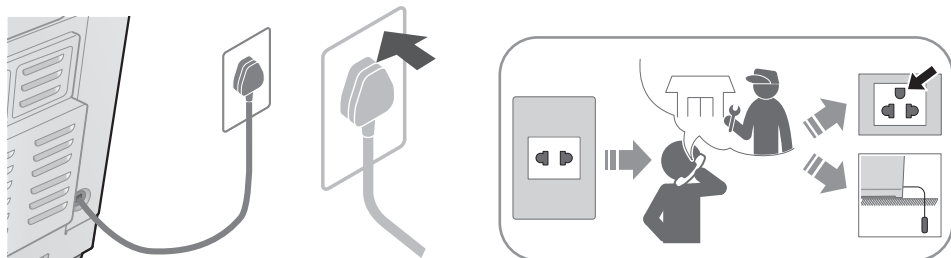


3

Kiểm tra xem ống khuỷu có bị lỏng không.



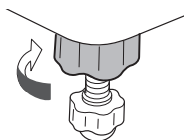
Nối phích cắm và nối đất



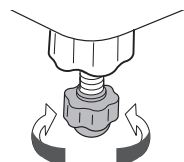
Kiểm tra tình trạng cân bằng của máy giặt

■ Nếu máy không cân bằng

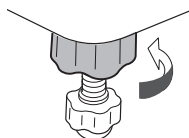
Nới lỏng



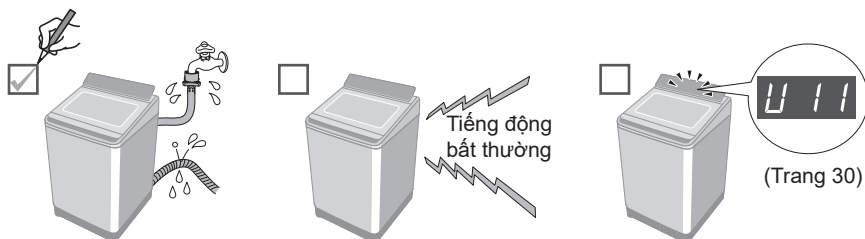
Điều chỉnh



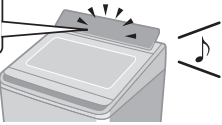
Vặn chặt



Vận hành thử



U13 và các cảnh báo khác



■ **Chuẩn bị**
 Hủy bỏ chức năng Khóa An Toàn dành cho trẻ nhỏ (Trang 20) nếu đã cài đặt.

Cảnh báo	Các điểm cần kiểm tra
Không thể xả nước.	1 Kiểm tra 2
Nắp đang mở.	1
Quá trình vắt hoặc chế độ “Sấy Gió 90°” không thể sử dụng được.	Mất cân bằng 1 Sắp xếp lại cân bằng 2 Vị trí đặt máy bị dốc hoặc không vững chắc 1 Vị trí vững chắc 2

Cảnh báo

Các điểm cần kiểm tra

U 14

Nước không thể cấp.

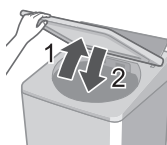


1



Lưới lọc cấp nước (Trang 24)

2

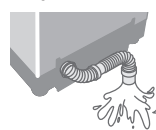


Khi thiết lập chức năng Khóa An Toàn dành cho trẻ nhỏ



Cường chế xả hết nước

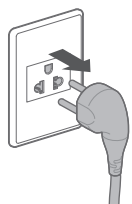
10 giây



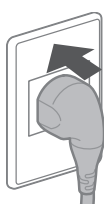
U 99

Máy buộc phải xả hết nước ra.

1



5 giây



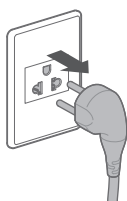
H

Yêu cầu kiểm tra.

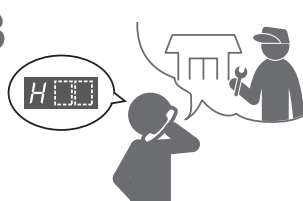
1



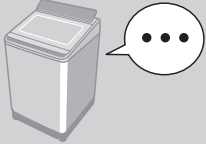
2

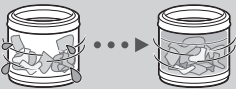
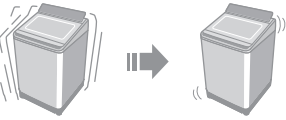


3



Xử lý sự cố

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Thời gian	Thời gian hiển thị tăng lên hoặc không đổi. 	Thời gian hiển thị chỉ mang giá trị tương đối. Thời gian còn lại được điều chỉnh trong quá trình vận hành. 
	Thời gian vận hành dài hơn thời gian hiển thị.  Vận hành dài hơn thời gian hẹn giờ. 	Khi quần áo bị mất cân bằng.  Khi xả nước không tốt.  Khi cấp nước không tốt.  ⇒ Thời gian vận hành có thể dài hơn.
Thân máy	Không hoạt động 	☐ Kiểm tra - Mất điện  - Cài đặt hẹn giờ  ☐ Hãy thử - Đóng nắp.  - Mở nước.  - Cắm chặt dây nguồn.  - Ấn "Khởi Động".  - Đóng át tô mát. 
	Không thể thay đổi cài đặt các quá trình (sau khi khởi động). 	☐ Hãy thử - Trong quá trình giặt 1 Dừng / Khởi Động / Dừng  2  3 Khởi Động / Khởi Động / Dừng  - Sau quá trình giặt 1 Tắt  2 Bật 

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra	
Giặt	Nước được cấp thêm trong khi giặt. 	Khi mực nước xuống thấp. 	Khi lượng đồ giặt lớn. 
		⇒ Nước được tự động cấp thêm.	
	Mức nước quá cao so với lượng đồ giặt 	Khi đồ giặt bị ướt. 	Có nước trong lồng giặt trước khi vận hành. 
		⇒ Mức nước có thể cao hơn.	
	Mức nước quá thấp so với lượng đồ giặt 	Đối với quần áo nhẹ (sợi tổng hợp, v.v.). 	
		⇒ Mức nước có thể thấp hơn.	
Xả	Máy đã bắt đầu quá trình xả, nhưng nước không được cấp. 	Khi không có nước trong lồng giặt. 	⇒ Nước sẽ được cấp sau quá trình vắt.
		Khi có nước trong lồng giặt. 	⇒ Nước sẽ được cấp sau khi xả và vắt.
Vắt	Máy đột ngột chuyển sang quá trình xả khi đang vắt.	Nếu quần áo bị mất cân bằng, máy giặt tự động chuyển sang quá trình xả để sắp xếp lại quần áo cho cân bằng.	
	Bắt đầu quá trình xả thay vì vắt. 		
	Xoay không đều khi vắt. 	Tốc độ xoay của lồng giặt được điều chỉnh để giảm rung động. 	

Xử lý sự cố (tiếp)

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Các sự cố khác	Mất điện / Nhảy át tô mát.  Ngắt	Máy giặt sẽ tiếp tục hoạt động từ điểm dừng lúc trước khi có điện trở lại.  Đóng 
	StainMaster+ không hiệu quả. 	☐ Kiểm tra ● Khối lượng giặt tối đa (Trang 11)  ☐ Hãy thử ● Tiền xử lý (Trang 7) ● Lựa chọn theo loại vết bẩn. (Trang 11)  

Nội dung các chế độ giặt

Chế độ		Tổng thời gian* ¹ (phút)	Giặt (phút)	Xả (lần)	Vắt (phút)	Tự Động Nước Giặt/Xả	
						Nước giặt	Nước xả vải
	Giặt Thường	65	9	2	7	✓	✓
	Gỡ Rối Tự Động	75	13	2	7	✓	✓
	Giặt Nhanh	50	3	2	5	✓	✓
	Giặt Nhẹ	50	9	2	1	✓	✓
	Đồ Trẻ Em	80	9	2	7	✓	✓
	Tiết Kiệm Nước	80	12	3	7	✓	—
	Chăn Màn	80	12	2	7	✓	✓
	Giặt Ngâm	130 ^{*2}	71 (Ngâm 59 phút)	2	7	✓	✓
Stain Master +	Giặt Lưu Hương	85	13	2	7	✓	✓
	Bùn Đất	90	32	2	7	✓	✓
	Nước Sốt	110 ^{*2}	54 (Ngâm 29 phút)	2	7	✓	✓
	Cổ & Tay Áo	165 ^{*2}	33 ^{*3}	2	7	✓	✓
	Dầu Mỡ	170 ^{*2}	38 ^{*3}	2	7	✓	✓
	Vi Khuẩn/Dị Ứng	190 ^{*2}	30 ^{*3}	2	7	✓	✓
	Vệ Sinh Lồng Giặt	150 ^{*2}	65 (Ngâm 62 phút)	2	30	—	—

*1 Tổng thời gian chỉ là tương đối (Khi tốc độ cấp nước tiêu chuẩn là 15 L / phút và nhiệt độ nước là 28 °C).

*2 Thời gian còn lại (tối đa 99 phút) sẽ được hiển thị. --→99

*3 Chưa bao gồm thời gian đun nóng nước. Ký hiệu -- sẽ được hiển thị trong suốt quá trình đun nóng nước.

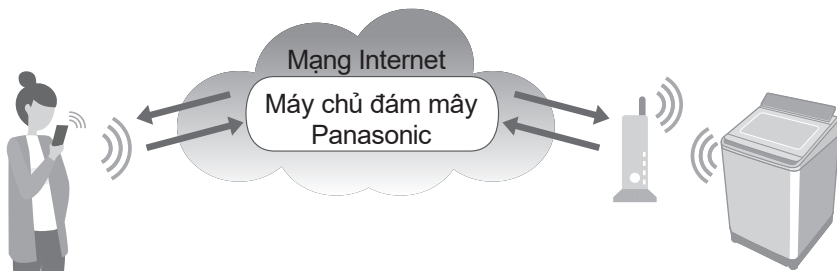
- “Xả tràn” nghĩa là cấp nước vào lồng giặt tới mực nước thiết lập, sau đó đồng thời vừa thực hiện quá trình xả vải vừa cấp nước vào lồng giặt.



Panasonic SmartApp+

Thuận tiện hơn với điện thoại thông minh của bạn

Bạn có thể sử dụng dịch vụ bằng ứng dụng “Panasonic SmartApp+”.



Bạn có thể vận hành máy giặt hoặc cài đặt hẹn giờ trên ứng dụng.

Hỗ trợ lựa chọn chương trình từ lịch sử chương trình.

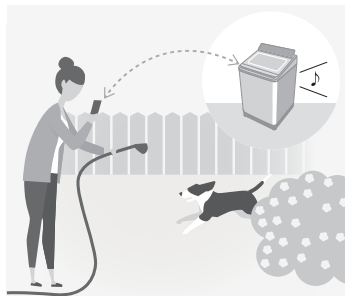
Trên ứng dụng của chúng tôi có “Mục yêu thích”. Bạn có thể tạo các chương trình gốc với các cài đặt yêu thích của mình.

- Có thể lưu tối đa 10 cài đặt.



Thông báo tình trạng giặt và kết thúc hoạt động.

Có thể lấy quần áo ra ngay sau khi giặt.



- Các nội dung, chức năng và thiết kế của dịch vụ này có thể thay đổi hoặc chấm dứt mà không cần thông báo trước.

Thiết bị và Môi trường cần thiết

Hãy kiểm tra thiết bị cần thiết để sử dụng ứng dụng.

- Điện thoại thông minh Android hoặc iOS (iPhone)
- Về hệ điều hành được hỗ trợ
<https://www.panasonic.com/fiot/wash/>



Trang web Panasonic



■ Môi trường Internet

Hãy xác nhận rằng đó là đường truyền băng thông rộng.

Ví dụ FTTH (cáp quang), ADSL, CATV (truyền hình cáp), v.v.

Phí truy cập Internet sẽ do khách hàng chịu.

Mạng Internet



- Bộ định tuyến mạng LAN không dây
Sử dụng bộ định tuyến mạng LAN không dây để kết nối với Internet.



LƯU Ý

- Đảm bảo rằng bộ định tuyến mạng LAN không dây có tiêu chuẩn giao tiếp là băng tần 2,4 GHz. (Chuẩn giao tiếp: IEEE802.11b, IEEE802.11g, IEEE802.11n)
Khác với những điều trên không thể được sử dụng.
- Không thể sử dụng các mô hình chỉ hỗ trợ WEP.
- Như một biện pháp bảo mật, hãy đảm bảo sử dụng bộ định tuyến mạng LAN không dây có thể đặt phương thức mã hóa WPA3, WPA2 hoặc WPA.
- Chúng tôi khuyến nghị sử dụng WPA3 và WPA2 (AES) làm phương pháp mã hóa.
- Chúng tôi không đảm bảo hoạt động của tất cả các bộ định tuyến mạng LAN không dây. (Bộ định tuyến di động không được đảm bảo hoạt động.)

Panasonic SmartApp+ (tiếp)

Cài đặt ban đầu



Thực hiện theo các cài đặt trên màn hình của ứng dụng.

1 Cài đặt ứng dụng “Panasonic SmartApp+” (miễn phí).

- Bạn có thể truy cập liên kết để tải xuống ứng dụng từ trang web Panasonic.
<https://www.panasonic.com/fiot/wash/>



Trang web Panasonic

- Ngoài ra, bạn có thể tìm kiếm ứng dụng “Panasonic SmartApp+” trên Google Play (Android) hoặc App Store (iOS) và cài đặt ứng dụng.
- Bạn cũng có thể quét liên kết để cài đặt ứng dụng từ mã QR được dán trên máy giặt.

2 Làm theo hướng dẫn hiển thị trên màn hình của ứng dụng và đăng ký máy giặt.

- Vận hành ở vị trí mà bạn có thể kiểm tra màn hình trên máy giặt.
- Ứng dụng không thể được vận hành khi máy giặt đang hoạt động.



Sử dụng ứng dụng (Trang 39)

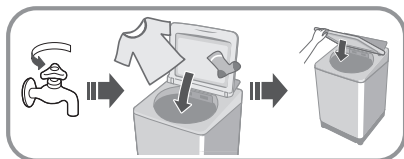
Sử dụng ứng dụng “Panasonic SmartApp+”

Sau khi hoàn tất cài đặt ban đầu, bạn có thể sử dụng ứng dụng.

Chuẩn bị sử dụng tính năng “Điều Khiển Từ Xa”

Bạn cần chuẩn bị máy giặt trước khi ra ngoài.

1



LƯU Ý

- Đóng chặt cửa máy giặt.
- Đảm bảo vẫn còn Nước Giặt/Xả trong ngăn Tự Động Nước Giặt/Xả.

2



3



Sau 10 phút
●●●●▶

Tắt cả các đèn chỉ báo sẽ tắt ngoại trừ:



LƯU Ý

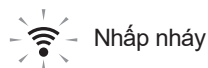
- Để hủy trạng thái chờ của điều khiển từ xa và mở khóa cửa → Tắt nguồn.
- Khi không có điều khiển từ xa từ ứng dụng, trạng thái chờ của điều khiển từ xa sẽ được giải phóng sau 23 giờ. Trong thời gian đó, tất cả các nút trên thiết bị (ngoại trừ **①**) bị vô hiệu hóa. Bạn chỉ có thể điều khiển máy giặt từ ứng dụng. Sau 23 giờ, màn hình bình thường hiển thị và điều khiển từ xa bị tắt.

Để kiểm tra trạng thái giao tiếp với đèn trên bảng điều khiển.

■ Vị trí đèn



Có thể giao tiếp (Đã kết nối)



Cố gắng giao tiếp (Đang kết nối với máy chủ)



Không kết nối

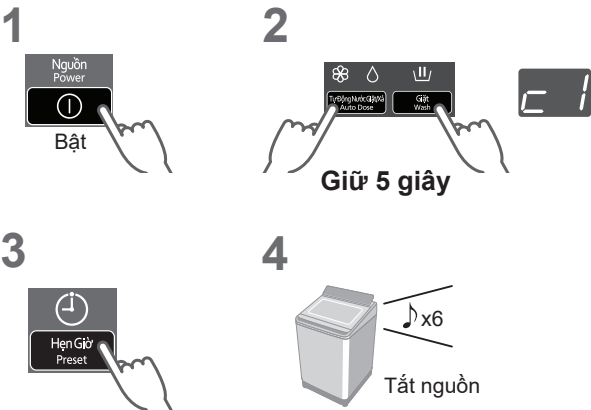


Panasonic SmartApp+ (tiếp)

Khởi tạo

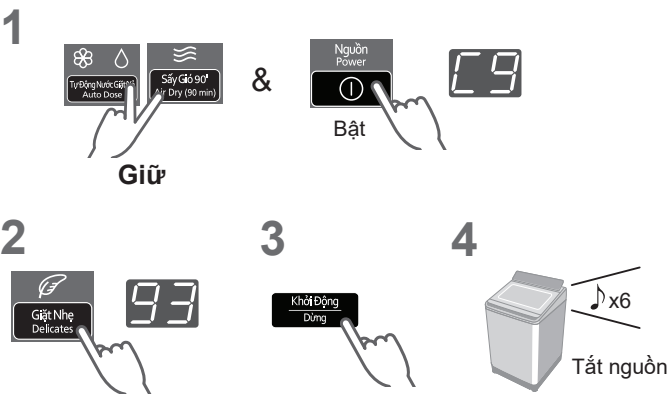
- Khi bạn ngừng sử dụng ứng dụng “Panasonic SmartApp+”
- Sử dụng bị nghi ngờ do truy cập trái phép
- Nếu máy giặt của bạn là thiết bị đã qua sử dụng

Đặt lại cài đặt mạng LAN không dây về cài đặt mặc định.
(Vận hành trên máy giặt)
Bạn cũng nên ngừng sử dụng ứng dụng.



Khi bạn vứt bỏ hoặc chuyển nhượng máy giặt

Đặt lại tất cả các nội dung như cài đặt mạng LAN không dây, cài đặt máy giặt, lịch sử hoạt động, v.v. về trạng thái tại thời điểm mua.
(Khởi tạo toàn diện)
(Vận hành trên máy giặt)



Lỗi hiển thị

Lỗi hiển thị	Nguyên nhân & Biện pháp
U81	- Không kết nối được máy giặt và bộ định tuyến mạng LAN không dây. Kiểm tra những điều sau: - Bộ định tuyến chưa được bật. → Bật nguồn. - Khoảng cách giữa bộ định tuyến và máy giặt quá xa. → Đưa bộ định tuyến lại gần. - Có một thiết bị sử dụng sóng vô tuyến, chẳng hạn như lò vi sóng, gần đó. →Giữ khoảng cách thích hợp. →Ngừng sử dụng thiết bị hoặc đợi một lúc và thử lại. - Nhiều thiết bị được kết nối với bộ định tuyến. →Tắt nguồn của thiết bị bạn không sử dụng.
U82	- Lỗi giao tiếp với máy chủ. - Có thể có sự cố với kết nối Internet của bạn. → Nếu bạn không biết nguyên nhân, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà sản xuất bộ định tuyến của bạn.
U83	- Trong “Kết nối dự phòng”, SSID hoặc mật khẩu của bộ định tuyến không chính xác. → Kiểm tra mô tả của bộ định tuyến. - Không kết nối được máy giặt và bộ định tuyến. → Kiểm tra “U81” ở trên.
U84	“Quét kết nối” không thành công. Kiểm tra những điều sau: - Cài đặt Bluetooth® trên điện thoại thông minh của bạn đã bị tắt. - Mã QR không thể đọc chính xác. → Đảm bảo rằng cài đặt Bluetooth® đang bật, rồi kết nối lại. Nếu bạn vẫn không thể kết nối, hãy thử “Kết nối dự phòng”.
Ứng dụng hiển thị các câu như “Không thể giao tiếp với máy giặt.”	Giao tiếp lại sau một lúc hoặc kiểm tra trạng thái kết nối bằng phương pháp sau. Giữ 5 giây → Nếu “U81”, “U82”, v.v. được hiển thị, đó là lỗi kết nối. Kiểm tra ở trên.

Panasonic SmartApp+ (tiếp)

Sử dụng cho mạng LAN/Bluetooth® không dây

■ Hạn chế sử dụng

Xin lưu ý rằng có những hạn chế sử dụng sau đây. Panasonic không chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại ngẫu nhiên nào do không tuân thủ các giới hạn và việc sử dụng hoặc không thể sử dụng thiết bị.

- Không kết nối với mạng không dây mà bạn không được phép sử dụng. Mạng không dây (SSID*) mà bạn không được phép sử dụng trong quá trình tự động tìm kiếm môi trường mạng không dây có thể được hiển thị, nhưng nếu bạn kết nối, nó có thể bị coi là truy cập trái phép.

- Không sử dụng ở nơi có từ trường mạnh, tĩnh điện hoặc nhiễu sóng vô tuyến.

Nếu bạn sử dụng gần các thiết bị sau, liên lạc có thể bị gián đoạn hoặc tốc độ có thể chậm lại.

- Lò vi sóng
- Các thiết bị LAN / Bluetooth® không dây khác
- Các thiết bị khác sử dụng sóng vô tuyến ở băng tần 2,4 GHz (điện thoại không dây kỹ thuật số, thiết bị âm thanh không dây, bảng điều khiển trò chơi, thiết bị ngoại vi PC, v.v.)
- Các vật bằng kim loại dễ phản xạ sóng vô tuyến

■ Các biện pháp an ninh

- Vì mạng LAN không dây sử dụng sóng vô tuyến để gửi và nhận dữ liệu, nên có nguy cơ bị truy cập trái phép. Thực hiện các biện pháp bảo mật để đảm bảo an toàn cho dữ liệu của bạn. (Trang 37) Xin lưu ý rằng chúng tôi không chịu trách nhiệm cho bất kỳ sự cố nào xảy ra mà không áp dụng các biện pháp bảo mật.
- Để biết mật khẩu (khóa mã hóa) của bộ định tuyến mạng LAN không dây, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng của bộ định tuyến mạng LAN không dây và thiết lập bảo mật.

■ Giới thiệu về chương trình cơ sở

- Thiết bị này có chức năng kết nối với máy chủ cập nhật chương trình cơ sở qua Internet và tự động cập nhật chương trình cơ sở của chính nó lên phiên bản mới nhất. Vì liên lạc không dây tạm thời bị gián đoạn trong quá trình cập nhật, liên lạc có thể bị gián đoạn hoặc tốc độ có thể chậm lại.
- Không phân tích hoặc sửa đổi chương trình cơ sở.

* Tên được sử dụng để xác định một mạng cụ thể trên mạng LAN không dây. Nếu SSID này khớp trên cả hai thiết bị, thì có thể giao tiếp.

Bản quyền, v.v.

- Android and Google Play are trademarks or registered trademarks of Google LLC.
- iPhone is a trademark of Apple Inc., registered in the U.S. and other countries.
- IOS is a trademark or registered trademark of Cisco in the U.S. and other countries and is used under license.
- The App Store is a service mark of Apple Inc.
- QR Code is registered trademark of DENSO WAVE INCORPORATED.
- Bluetooth® word mark and logo are registered trademarks owned by Bluetooth SIG, Inc.
- Panasonic Corporation uses these marks under license. Other trademarks and trade names are property of their respective owners.
- Other names, company names, product names, etc. described in this manual are trademarks or registered trademarks of their respective companies. Some ™ and ® marks are not included in the text.

■ About software

This product consists of the following types of software.

- (1) Software developed by or for Panasonic Corporation (Panasonic)
- (2) Software owned by a third party and licensed to Panasonic
- (3) Conditionally licensed open source software

The software classified in (3) above is distributed with the expectation that it will be useful on its own, but we do not warrant any implied guarantee of “commerciality” or “fitness for a specific purpose”. No warranty is given, including.

You can find the most up-to-date information below.

<https://www.panasonic.com/content/dam/Panasonic/vn/vi/PDF/2024/Operating-Instructions-NA-FD180W3BV.pdf>



Thông số kỹ thuật

Số model	NA-FD180W3
Điện áp định mức	220 - 240 V
Tần số định mức	50 Hz
Công suất tiêu thụ định mức	1475 - 1750 W
Lượng nước tiêu chuẩn	105 L
Khối lượng giặt tối đa (Vải khô)	18,0 kg
Kích thước sản phẩm	681 mm (Rộng) x 733 mm (Dài) x 1153 mm (Cao)
Trọng lượng sản phẩm	50 kg
Áp suất nước máy	0,01 - 1 MPa

* Hoạt động của máy giặt vẫn được đảm bảo trong điều kiện điện áp dao động từ 195 V tới 245 V, nhưng không đảm bảo về kết quả giặt.